

ĐẤU TRANH VỚI ÂM MƯU ĐÒI THÀNH LẬP “NHÀ NƯỚC CHĂM TỰ TRỊ Ở VIỆT NAM”

ĐÀO ĐÌNH THƯỜNG

Học viện Chính trị khu vực I

Ngày nhận bài: 31/12/2025; Ngày phản biện: 8/1/2026; Ngày duyệt đăng: 10/2/2026.

● **Tóm tắt:** Bài viết phân tích, nhận diện âm mưu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam” của các thế lực thù địch, phản động; luận giải trên cả phương diện lý luận và thực tiễn để khẳng định yêu sách này là sự lợi dụng, xuyên tạc lịch sử và khái niệm “quyền dân tộc tự quyết”; từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

● **Từ khóa:** Đấu tranh phản bác; Âm mưu thành lập “Nhà nước Chăm tự trị”; Dân tộc, tôn giáo; Việt Nam.



Vấn đề dân tộc luôn giữ vai trò quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống. Tuy nhiên, thời gian gần đây, một số thế lực thù địch đã lợi dụng vấn đề dân tộc để thúc đẩy âm mưu thành lập cái gọi là “Nhà nước Chăm” hay “Nhà nước Chăm tự trị” nhằm phá vỡ sự đoàn kết dân tộc và gây bất ổn chính trị. Âm mưu này không chỉ dựa trên những luận điệu sai lệch về lịch sử, văn hóa mà còn khai thác những điểm còn bất đồng trong xã hội để tạo ra những chia rẽ. Vì vậy, việc làm rõ các yếu tố lịch sử, xã hội và chính trị liên quan để bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, đồng thời phân tích các chiến lược, biện pháp đấu tranh chống lại âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc trong việc hình thành “Nhà nước Chăm tự trị” là cần thiết, qua đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

1. Nhận diện âm mưu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam”

Ngày 13/9/2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc

đã thông qua Nghị quyết số 61/295 về Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa, với 46 điều khoản. Sau khi Nghị quyết này được ban hành, ngày 22/9/2012, tại Bắc Carolina (Mỹ), ba tổ chức phản động lưu vong gồm: Hội đồng Dân tộc Thượng, Hội đồng tối cao Campuchia - Krôm, và Hội đồng Phát triển văn hóa, xã hội Chăm Pa đã thành lập liên minh mang tên “Hội đồng tối cao các dân tộc bản địa Việt Nam ngày nay” (The Supreme Council of Indigenous Peoples of Today’s Vietnam, hay SCIP-TVN). Liên minh này công khai thể hiện âm mưu với ba mục tiêu chính: 1) Kêu gọi Chính phủ Việt Nam công nhận các dân tộc Thượng, Campuchia - Krôm và Chăm là dân tộc bản địa; 2) Yêu cầu Chính phủ Việt Nam thực thi các điều khoản trong Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa mà Việt Nam đã ký kết; 3) Kêu gọi các tổ chức của Liên hợp quốc tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của SCIP-TVN, phù hợp với Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa của Liên hợp quốc.

Cùng với các thế lực phản động từ nước ngoài,

một số nhóm người Chăm lưu vong đã thành lập các tổ chức như: “Văn phòng Chăm Pa quốc tế - IOC”, “Hội Bảo tồn văn hóa Chăm Pa tại Mỹ”, “Liên minh Người Chăm tị nạn tại Mỹ”, “Hội Văn hóa truyền thống Chăm Pa”, “Cộng đồng Muslim Chăm Pa” tại Mỹ và Pháp. Thành phần tham gia các tổ chức này chủ yếu là các phần tử chống đối, bao gồm quân nhân chế độ Sài Gòn, tổ chức FULRO, một số trí thức và chức sắc bất mãn. Các tổ chức này có chung luận điệu là cố tình đánh đồng “quyền dân tộc tự quyết” của các quốc gia, dân tộc - với tư cách là chủ thể của luật quốc tế - với “quyền của người bản địa”, vốn là quyền lợi của các nhóm sắc tộc thiểu số trong một quốc gia, chủ yếu liên quan đến các quyền văn hóa - xã hội. Từ đó, chúng yêu cầu Chính phủ Việt Nam công nhận “quyền dân tộc tự quyết” của dân tộc Chăm, coi người Chăm là “dân tộc bản địa”, và đưa ra yêu sách đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị”. Tuy nhiên, mục đích của chúng không phải là vì lợi ích của đồng bào dân tộc Chăm mà là nhằm phá hoại sự đoàn kết dân tộc, chia cắt sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn đấu tranh bác bỏ yêu sách đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam”

Thực chất, “quyền tự quyết” của các dân tộc, sắc tộc trong một quốc gia không được phép vượt ra ngoài khuôn khổ “quyền dân tộc tự quyết”, không được xâm phạm quyền của quốc gia - dân tộc. Có thể khẳng định, các thế lực thù địch, phản động và tôn giáo cực đoan lưu vong ở nước ngoài đang lợi dụng “quyền dân tộc tự quyết” của đồng bào dân tộc thiểu số, mà chúng gọi là “dân tộc bản địa”, để thúc đẩy hình thành các vùng đất tự trị trong lòng đất nước Việt Nam. Đây là ý đồ thâm độc, nguy hiểm đã, đang được chúng quyết tâm thực hiện từ nhiều năm nay. Đặc biệt, sự ra đời của Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa của Liên hợp quốc đã bị chúng lợi dụng để làm có xuyên tạc. Trước tình hình trên, để góp phần đảm bảo an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu

số, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị, cần có những cứ liệu, chứng cứ thuyết phục và sự thật lịch sử để phê phán, bác bỏ âm mưu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam”.

Về mặt lý luận

Khái niệm “dân tộc bản địa” được dịch từ thuật ngữ “indigenous peoples” trong các văn kiện của Liên hợp quốc không phải là một khái niệm trung tính về mặt lịch sử. Sự ra đời và phổ biến của thuật ngữ này gắn liền với quá trình bành trướng thuộc địa của các nước tư bản châu Âu trong giai đoạn từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, khi họ tiến hành xâm lược, khai thác thuộc địa và áp đặt quyền thống trị tại nhiều khu vực ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Trong bối cảnh đó, việc phân loại cư dân bản địa thành các nhóm “bản xứ” hay “bản địa” là để phục vụ trực tiếp cho mục tiêu cai trị và bóc lột của chủ nghĩa thực dân.

Tại Việt Nam, thuật ngữ này không tồn tại như một khái niệm nội sinh mà chỉ xuất hiện khi đất nước bị đặt dưới ách đô hộ của thực dân Pháp. Trong thời kỳ đó, Việt Nam bị tước bỏ tư cách quốc gia độc lập, bị chia cắt về mặt hành chính và đặt trong hệ thống cai trị của Liên bang Đông Dương. Chính quyền thực dân đã sử dụng các khái niệm như “người bản xứ” hay “người bản địa” để gọi chung toàn thể cư dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo hay địa vị xã hội. Việc gọi người Việt bằng danh xưng mang tính xúc phạm như “Annamite” phản ánh rõ bản chất kỳ thị và áp bức của chế độ thực dân đối với Nhân dân ta.

Như vậy, khái niệm “người bản xứ” hay “người bản địa” ở Việt Nam là sản phẩm trực tiếp của hoàn cảnh thuộc địa và chỉ tồn tại gắn với chế độ đó. Sau khi giành được độc lập, Việt Nam không có cơ sở lịch sử, pháp lý hay thực tiễn để thừa nhận các cách tiếp cận mang tính áp đặt của chủ nghĩa thực dân, trong đó có những yêu sách về cái gọi là “nhà nước tự trị” dựa trên lập luận “bản địa”. Trên lập trường nhất quán của mình, Việt Nam không chấp nhận yêu sách về “Nhà nước Chăm tự trị”. Hơn nữa, theo

quan điểm khoa học và chính trị tiên bộ, quyền tự trị của một dân tộc không phải là quyền tuyệt đối hay mặc nhiên tồn tại. “Không được lẫn lộn vấn đề quyền dân tộc tự quyết (nghĩa là hiến pháp nhà nước bảo đảm một phương thức giải quyết hoàn toàn tự do và dân chủ vấn đề phân lập) với vấn đề xem xét một dân tộc nào đó có nên tách ra không. Trong mỗi trường hợp riêng biệt vấn đề thứ hai này phải được đảng dân chủ - xã hội giải quyết một cách hoàn toàn độc lập, căn cứ vào lợi ích của toàn bộ sự phát triển xã hội và lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản vì chủ nghĩa xã hội” (V.I.Lênin, 2005a, 78). Do đó, quyền “tự trị” hay “tự quyết” chỉ có thể được xem xét trong những điều kiện lịch sử - chính trị xác định, không thể bị lợi dụng để phục vụ mục tiêu chia rẽ hay đối lập với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc.

“Quyền dân tộc tự quyết” chỉ được đặt ra khi có đủ điều kiện chứ không phải lúc nào cũng viện dẫn. Điều kiện đó chính là khi sự áp bức dân tộc đang diễn ra và người dân không thể chịu đựng được cuộc sống đó. Trong bài viết *Về quyền dân tộc tự quyết*, V.I.Lênin (2005b, 336) chỉ rõ: “Do kinh nghiệm hàng ngày của mình, quần chúng nhân dân biết rất rõ tầm quan trọng của những quan hệ địa lý và kinh tế, những lợi thế của một thị trường rộng lớn và của một quốc gia rộng lớn, nên họ chỉ nghĩ đến phân lập khi nào sự áp bức dân tộc và những xung đột dân tộc làm cho cuộc sống chung trở thành tuyệt đối không thể chịu đựng được và làm cho mọi thứ quan hệ kinh tế bị trở ngại”.

Vì vậy, cần nhận thức một cách đúng đắn và khoa học rằng, trong điều kiện một quốc gia độc lập, thống nhất, đang phát triển ổn định và bình thường, không thể và không nên đặt vấn đề thực hiện “quyền dân tộc tự quyết” theo nghĩa tách rời, ly khai, càng không thể tuyên truyền cho mô hình nhà nước liên bang hay chế độ phân quyền trên cơ sở dân tộc. V.I.Lênin (2005b, 84) đã chỉ rõ: “...chúng tôi là kẻ thù của mọi thứ chủ nghĩa dân tộc và là những người tán thành chế độ tập trung dân chủ. Chúng tôi là kẻ thù của chủ nghĩa biệt

lập; chúng tôi tin chắc rằng, với những điều kiện như nhau, thì so với các nước nhỏ, các nước lớn có thể giải quyết một cách thành công hơn nhiều đối với những nhiệm vụ của sự tiến bộ kinh tế và của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản”.

Vận dụng quan điểm này vào điều kiện cụ thể của Việt Nam cho thấy, “quyền dân tộc tự quyết” không đồng nhất với quyền ly khai hay thành lập quốc gia riêng biệt, mà được thực hiện thông qua quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc trong khuôn khổ một Nhà nước thống nhất, bình đẳng, cùng phát triển. Mọi cách hiểu hoặc luận điệu lợi dụng “quyền dân tộc tự quyết” để phủ nhận vai trò của Nhà nước thống nhất, kích động gây chia rẽ dân tộc hoặc đòi hỏi thể chế liên bang đều đi ngược lại tư tưởng của V.I.Lênin, không phù hợp với điều kiện lịch sử, chính trị và lợi ích căn bản của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Về mặt thực tiễn

Các luận điệu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam” dựa trên việc viện dẫn Vương quốc Chăm Pa trong lịch sử để yêu sách đòi ly khai là sự xuyên tạc lịch sử. Thực tế, sự tan rã của Vương quốc Chăm Pa và sự sáp nhập vào quốc gia Việt Nam là một quá trình lịch sử lâu dài, khách quan và đã hoàn tất từ rất sớm. Các vùng lãnh thổ này hiện được quản lý ổn định, liên tục trong khuôn khổ Nhà nước Việt Nam thống nhất. Cộng đồng người Chăm là bộ phận không thể tách rời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Do đó, mọi yêu sách đòi “khôi phục Nhà nước Chăm Pa” đều trái với lịch sử, không có cơ sở pháp lý và phương hại đến khối đại đoàn kết dân tộc.

Lịch sử hình thành Nhà nước Chăm Pa trong giai đoạn sơ kỳ gắn với địa bàn của văn hóa Sa Huỳnh, nơi có hai bộ lạc sinh sống là bộ lạc Cau và bộ lạc Dừa. Vào khoảng đầu Công nguyên, từ hai bộ lạc Cau và Dừa, vương quốc cổ Chăm Pa đã ra đời và phát triển. “Ở khu vực bộ lạc Dừa (vùng từ Quảng Nam đến Bình Định) vào cuối thế kỷ II, nhân lúc Trung Quốc loạn lạc, dân Tượng

Lâm nổi dậy đánh phá châu thành, giết chết Thứ sử Chu Phù (năm 190), khiến cho trong nhiều năm Trung Quốc không thể lập nổi quan cai trị ở đây. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Khu Liên được tôn lên làm vua và lập ra nước Lâm Ấp” (Nguyễn Quang Ngọc, 2013, 51).

Năm 757, trung tâm quyền lực của Chăm Pa được dời từ Trà Kiệu xuống Panduranga và Kauthara, với kinh đô Virapura gần Phan Rang và trung tâm tín ngưỡng tại Po Nagar (Nha Trang). Năm 774, quân Java xâm lược Kauthara, phá hủy đền Po Nagar và mang đi tượng thần Shiva. Trước tình thế đó, vua Satyavarman tổ chức phản công và giành thắng lợi trong một trận hải chiến. Năm 781, ông cho dựng bia tại Po Nagar nhằm khẳng định chiến thắng và tái thiết đền tháp. Tuy nhiên, đến năm 787, người Java tiếp tục tấn công và phá hủy một đền thờ Shiva tại kinh đô Virapura.

Năm 875, vua Indravarman II thiết lập một vương triều mới với kinh đô đặt tại Indrapura, tương ứng với khu vực làng Đồng Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (cũ) ngày nay. Indravarman II được xem là vị vua Chăm đầu tiên tiếp nhận Phật giáo Đại thừa và xác lập tôn giáo này giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của vương quốc. Tại trung tâm Indrapura, nhà vua cho xây dựng một tu viện Phật giáo (vihara) nhằm thờ phụng Quán Thế Âm Bồ tát (Avalokitesvara). Vào thế kỷ IX và X, các vua của triều đại Indrapura đã xây dựng ở Mỹ Sơn một số đền tháp. Thời kỳ Phật giáo ảnh hưởng ở Chăm Pa kết thúc vào năm 925 và dần nhường chỗ cho sự phục hồi của đạo thờ thần Shiva (Đào Duy Anh, 1998, 58). Từ khoảng thế kỷ X, tôn giáo của người Chăm chuyển từ Phật giáo trở lại Shiva giáo, đồng thời trung tâm sinh hoạt tôn giáo cũng dịch chuyển từ Đồng Dương quay về Mỹ Sơn.

Sau thời kỳ hưng thịnh đạt tới đỉnh cao trong các thế kỷ IX và X, Nhà nước Chăm Pa từng bước bước vào giai đoạn suy vong. Do nằm trên những tuyến giao thương quan trọng ven biển, quy mô dân số hạn chế và thường xuyên bị cuốn vào các cuộc xung đột quân sự với các quốc gia lân cận như Đại

Việt ở phía Bắc và Chân Lạp ở phía Tây Nam, Chăm Pa phải đối mặt với nhiều sức ép kéo dài.

Song song với các cuộc xung đột với người Khmer và các thế lực phương Bắc là chuỗi chiến tranh giữa Chăm Pa và Nhà nước Đại Việt. Quân Đại Việt tấn công Chăm Pa vào các năm 1021, 1026, 1044 và 1069. Vua Rudravarman bị bắt làm tù binh và sau đó đã đổi ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính ở phía Bắc gần biên giới với Đại Việt để lấy tự do (Đào Duy Anh, 1998, 505). Đến năm 1307, trong bối cảnh quan hệ giữa hai quốc gia tương đối hòa hiếu, vua Jaya Simhavarman III đã dâng châu Ô và châu Lý làm sính lễ trong cuộc hôn nhân với công chúa Huyền Trân của triều Trần. “Hai châu này đến năm sau đổi thành Thuận và Hóa (tương ứng với khu vực Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay) sáp nhập vào bản đồ Đại Việt” (Lương Ninh, 2004, 103). Sau biến cố này, lãnh thổ Chăm Pa chỉ còn kéo dài từ lưu vực sông Thu Bồn trở vào phía Nam.

Vị vua hùng mạnh cuối cùng của người Chăm là Che Bonguar (Chế Bồng Nga), lên ngôi vào năm 1360. Từ năm 1371 đến năm 1389, ông tổ chức nhiều cuộc tấn công ra Thăng Long, kinh đô của Đại Việt. “Năm 1390, nhân lúc triều đình nhà Trần rối ren, Chế Bồng Nga lại đem quân đánh Đại Việt. Nhưng sự bất đồng đã xảy ra trong hàng ngũ Champa. Một viên quan Chăm đã bỏ chạy sang hàng ngũ Đại Việt dịp này và báo cho biết thuyền của Chế Bồng Nga. Tướng Trần Khát Chân đã chỉ huy bắn trúng thuyền làm ông vua kiêu hùng của Champa bị chết trong trận đó” (Lương Ninh, 2004, 109).

Sau thời kỳ Che Bonguar, Chăm Pa liên tục bị các vương triều Đại Việt tấn công và mất dần lãnh thổ. Sau các cuộc tấn công vào các năm 1402 và 1446, đến “năm 1471, vua Lê (Lê Thánh Tông) đích thân đem 26 vạn quân đi đánh Champa. Trận đánh toàn thắng, chiếm được kinh đô Vijaya, bắt được vua Bàn La Trà Toàn” (Lương Ninh, 2004, 114).

Do hậu quả của các cuộc chiến tranh kéo dài, từ cuối thế kỷ XIV sang đầu thế kỷ XV, Vương quốc Chăm Pa ngày càng suy yếu, dẫn

đến việc lãnh thổ liên tục bị thu hẹp và từng bước suy vong. Sau thất bại năm 1471, phần lãnh thổ còn lại của Chăm Pa được sử sách Việt Nam gọi là Chiêm Thành, kéo dài từ đèo Cả trở vào phía Nam và được chia thành hai khu vực chính là Kauthara và Panduranga.

Năm 1578, Lương Văn Chính (tướng của chúa Nguyễn Hoàng) cầm quân tiến vào Hoa Anh, vây hãm và hạ thành An Nghiệp - một trong những thành lũy kiên cố và đồ sộ bậc nhất trong lịch sử Vương quốc Chiêm Thành, đẩy họ về cương vực cũ ở phía Nam đèo Cả (Lương Ninh, 2004, 186).

Dù mục tiêu ban đầu chủ yếu là nhằm ổn định trật tự, song chính quyền Đàng Trong đã đưa cư dân từ các vùng khác đến khai khẩn đất đai từ phía Nam đèo Cù Mông đến lưu vực sông Đà Diễn, từng bước củng cố sự hiện diện lâu dài của người Việt.

Trong giai đoạn cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, Panduranga nhiều lần phản công và giành lại quyền kiểm soát Kauthara, buộc người Việt phải tạm thời rút lui. Tuy nhiên, đến “năm 1611, Nguyễn Hoàng sai Văn Phong làm tướng, đem quân vào đánh lại, Chiêm Thành bị thua, vua là Po Nit (1603-1613) phải bỏ Hoa Anh rút quân về phía Nam đèo Cả” (Lương Ninh, 2004, 187).

Năm 1653, vua Chăm Pa Bà Tấm phát động tấn công vào Phú Yên (cũ), nhưng chúa Nguyễn Phúc Tần đã phái Hùng Lộc Hầu chỉ huy 3.000 quân phản công, kiểm soát toàn bộ khu vực Khánh Hòa. Đến năm 1675, Chăm Pa tiếp tục tiến công Phú Yên (cũ) nhưng thất bại, buộc vua Chăm Pa Bà Bật phải đầu hàng và nhượng đất từ sông Phan Rang trở ra cho chúa Nguyễn, nơi sau đó được tổ chức thành phủ Thái Ninh và dinh Thái Khang (Lương Ninh, 2004, 215).

Tháng 2/1693, vua Chăm Pa Bà Tranh tuyên bố từ bỏ quan hệ triều cống, huy động lực lượng chống lại chính quyền Đàng Trong tại Khánh Hòa. Trước tình hình đó, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Cảnh đem quân dẹp loạn, chiếm toàn bộ phần lãnh thổ còn lại của Chăm

Pa và lập phủ Bình Thuận. “Năm 1693 đánh dấu một mốc rất quan trọng, Chiêm Thành cũng không tồn tại với tư cách một quốc gia riêng biệt mà trở thành một phần lãnh thổ của chính quyền Đàng Trong, sau đó trở thành một tỉnh của nước Việt Nam” (Lương Ninh, 2004, 220).

Đến năm 1832, lợi dụng biến động do cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi, người Chăm tiếp tục nổi dậy chống triều Nguyễn nhưng không thành công. Vua Minh Mạng đã xóa bỏ hoàn toàn cơ chế tự trị của người Chăm, đổi trấn Thuận Thành thành phủ Bình Thuận và đặt dưới sự cai trị trực tiếp của triều đình. Từ đây, lịch sử Vương quốc Chăm Pa chính thức khép lại.

Như vậy, quá trình mở rộng lãnh thổ cũng đồng thời là quá trình hợp tác trong đời sống kinh tế - xã hội và giao lưu văn hóa giữa Đại Việt và người Chăm trong tiến trình lịch sử - văn hóa hàng chục thế kỷ đã dẫn đến việc chấm dứt sự tồn tại của Nhà nước Chăm Pa từ sau năm 1471, và chấm dứt sự tự trị của người Chăm từ năm 1832. Qua quá trình cộng cư, hai dân tộc Việt - Chăm đã tiếp thu những nét tốt đẹp trong đời sống kinh tế và truyền thống văn hóa của nhau, như: Nghề đóng ghe thuyền, làm nước mắm, kỹ thuật trồng lúa, trồng bông, mía đường, thủy lợi, tín ngưỡng (tục thờ Cá Ông) và cả ngôn ngữ. Ngày nay, một số địa danh ở Ninh Thuận (cũ), Bình Thuận (cũ) có nguồn gốc từ tiếng Chăm, ví dụ: Phan Rang là *Panrang* (rút ngắn từ Panduranga), Phan Rí là *Parik*, Phan Thiết là *Hamu Lithit*, Phó Hải là *Pajai*... Có thể khẳng định, Chăm Pa không còn tồn tại với ý nghĩa là một vương quốc độc lập từ năm 1471 mà trở thành một đơn vị hành chính đặc biệt nhất của Đại Việt - một phủ có quyền tự trị tương đối, hình thành trấn Thuận Thành rồi phủ Bình Thuận (1471-1832). Sự cộng cư giữa hai dân tộc Việt - Chăm đã góp phần kiến tạo Nhà nước Đại Việt/Việt Nam thống nhất từ năm 1832 đến nay. Trong đó, người Chăm và văn hóa Chăm là một bộ phận của nền văn hóa Việt Nam, góp phần tạo nên sức mạnh tinh thần và vật

chất trong phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh đấu tranh với âm mưu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam”

Từ thực trạng trên cho thấy, âm mưu đòi thành lập “Nhà nước Chăm tự trị ở Việt Nam” không chỉ được nuôi dưỡng bằng các luận điệu xuyên tạc lịch sử, đánh tráo khái niệm pháp lý, mà còn lợi dụng những vấn đề xã hội nhất định để kích động tư tưởng ly khai, gây chia rẽ trong cộng đồng. Vì vậy, đấu tranh làm thất bại âm mưu này cần được triển khai chủ động, toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền, định hướng nhận thức với các biện pháp nghiệp vụ, pháp lý và chính sách phù hợp, qua đó tạo “lá chắn” vững chắc về tư tưởng và sự đồng thuận xã hội. Trên cơ sở đó, có thể đề xuất một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền nhằm làm rõ quan điểm, đường lối và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là sự khác biệt về bản chất giữa “quyền dân tộc tự quyết” và “quyền của các dân tộc thiểu số”. Việc phân biệt rạch ròi hai khái niệm này có ý nghĩa then chốt trong đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái xoay quanh cái gọi là “Nhà nước Chăm tự trị” - một cách diễn giải thiếu cơ sở khoa học và không phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Theo Hiến chương Liên hợp quốc và các văn kiện pháp lý quốc tế, “quyền dân tộc tự quyết” được hiểu là quyền của các quốc gia - dân tộc trong việc thiết lập chế độ chính trị, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo con đường mình lựa chọn trên cơ sở thiết lập chủ quyền quốc gia (Đông Á & Hoàng Thu Trang, 2023). Quyền này đã được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế quan trọng, tiêu biểu như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; Tuyên bố về những nguyên tắc của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác của các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên

hợp quốc năm 1970... Các văn bản này đều nhấn mạnh quyền tự quyết gắn với việc hình thành và bảo vệ một quốc gia độc lập, có chủ quyền.

Trong khi đó, tại Việt Nam không tồn tại tình trạng áp bức dân tộc hay vấn đề “dân tộc bản địa” theo nghĩa pháp lý quốc tế. Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán trong việc bảo đảm quyền lợi của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết bảo vệ sự thống nhất về chính trị và lãnh thổ. Các điều ước và tuyên bố quốc tế cũng không hề trao quyền hay khuyến khích bất kỳ hành động nào dẫn đến chia cắt lãnh thổ hoặc làm suy yếu chủ quyền quốc gia. Vì vậy, việc đặt ra yêu sách về quyền tự quyết cho các dân tộc trong phạm vi lãnh thổ quốc gia là không có cơ sở thực tiễn cũng như pháp lý. Từ góc độ này, khái niệm “Nhà nước Chăm tự trị” hoàn toàn không phù hợp với điều kiện lịch sử, chính trị và pháp luật của Việt Nam. Cần khẳng định rõ ràng, “quyền dân tộc tự quyết” là vấn đề thuộc quan hệ quốc tế giữa các quốc gia - dân tộc, gắn liền với nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Ngược lại, “quyền của các dân tộc thiểu số” là hệ thống các quyền và lợi ích hợp pháp được bảo đảm trong khuôn khổ một quốc gia thống nhất. Do đó, việc đẩy mạnh tuyên truyền, giải thích rõ ràng vấn đề này tới đồng bào Chăm là giải pháp cần thiết nhằm bác bỏ các luận điệu sai trái, đồng thời củng cố nhận thức đúng đắn về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Hai là, các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhất là trong các khu vực có đông đồng bào dân tộc Chăm sinh sống. Kịp thời phát hiện và xử lý các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước lợi dụng vấn đề lịch sử của Nhà nước Chăm Pa để kích động, tuyên truyền sai lệch về “quyền dân tộc tự quyết”. Những hành động này có thể gây hiểu lầm, chia rẽ và làm suy yếu mối quan hệ đoàn kết dân tộc, đồng thời mua chuộc, vận động, thậm chí ép buộc một số người dân tộc Chăm tham gia vào các hành vi gây rối, bạo loạn, đòi ly khai, tự trị. Vì vậy, việc xử lý kịp thời những hành động này là hết sức cần thiết nhằm

bảo vệ sự ổn định chính trị - xã hội và sự đoàn kết trong cộng đồng. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cần tiếp tục củng cố và phát huy công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc Chăm; lắng nghe những yêu cầu chính đáng và giải quyết nhanh chóng những mâu thuẫn, bức xúc, từ đó góp phần củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước. Đây cũng là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng một xã hội hòa hợp, ổn định, góp phần ngăn ngừa những nguy cơ gây bất ổn về mặt chính trị, xã hội trong tương lai.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc. Để đảm bảo sự phát triển bền vững và công bằng cho đồng bào dân tộc Chăm, việc hoàn thiện và triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc là hết sức cần thiết. Các chính sách này cần bảo đảm quyền lợi chính đáng của đồng bào Chăm, đồng thời tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán và tín ngưỡng đặc trưng của họ.

Chính sách phát triển kinh tế - xã hội cần được triển khai đồng bộ, tập trung vào việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng dân tộc Chăm, đặc biệt thông qua các chương trình phát triển hạ tầng cơ sở, giáo dục, y tế và đào tạo nghề. Đồng thời, cần chú trọng bảo tồn, phát triển các ngành nghề truyền thống,

tạo cơ hội việc làm, qua đó nâng cao thu nhập và đời sống của người dân. Bên cạnh đó, việc tạo điều kiện để đồng bào Chăm tham gia vào các quyết định chính sách và hoạt động phát triển cộng đồng sẽ góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy sự hòa hợp và phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Như vậy, lợi dụng thực tế Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó người Chăm và Nhà nước Chăm Pa là một giai đoạn của lịch sử, đã sáp nhập và chung sống hòa hợp với Nhà nước Đại Việt/Việt Nam từ thế kỷ XV, các thế lực thù địch, phản động đã tìm cách lôi kéo một bộ phận người Chăm nhẹ dạ cả tin, đánh tráo, đồng nhất hai khái niệm “quyền dân tộc tự quyết” và “quyền của các dân tộc thiểu số” để đưa ra yêu sách về cái gọi là “quyền thành lập Nhà nước Chăm tự trị”. Mục đích của chúng là chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động đồng bào dân tộc Chăm đòi quyền tự quản, tự trị và ly khai. Vì vậy, việc nhận diện rõ bản chất của âm mưu này và triển khai các giải pháp đấu tranh từ chính trị, pháp lý, truyền thông và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Chăm là yêu cầu cấp thiết. Đồng thời, cần phát huy vai trò của cộng đồng người Chăm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, qua đó khẳng định mọi dân tộc, trong đó có dân tộc Chăm, đều là bộ phận không thể tách rời của quốc gia Việt Nam thống nhất ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đông Á & Hoàng Thu Trang (2023), *Bài 2: Cần hiểu đúng về quyền dân tộc tự quyết*, báo Nhân Dân, <https://nhandan.vn/bai-2-can-hieu-dung-ve-quyen-dan-toc-tu-quyet-post781866.html>
2. Đào Duy Anh (1998), *Lịch sử Cổ đại Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Đinh Trung Kiên (2009), *Tìm hiểu nền văn minh Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Lương Ninh (2004), *Lịch sử vương quốc Champa*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Lương Ninh (2015), *Một con đường sử học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2013), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Ngô Văn Doanh (2010), *Thánh địa Mỹ Sơn*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phạm Đức Dương (2013), *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
9. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử Việt Nam*, t.1, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. V.I.Lênin (2005a), *Toàn tập*, t.24, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. V.I.Lênin (2005b), *Toàn tập*, t.25, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.